

Bản án số: 130/2024/DSPT

Ngày: 27-8-2024

V/v Tranh chấp lời đi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế

Bà Trần Thị Nhài

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thuý Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Trong các ngày 22 tháng 8 năm 2024 và ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 về "Tranh chấp lời đi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2024/QĐ - PT ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1943 (vắng mặt);

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Thế M, sinh năm 1974 (có mặt);
Cùng địa chỉ: Xóm P, xã P, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị Đơn: Bà Dương Thị M1, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Xóm Q, xã P, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Dương Trung D, sinh năm 1990 và chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1994; Cùng địa chỉ: Xóm Q, xã P, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (chị V có mặt, anh D vắng mặt).

4. Người làm chứng:

- Ông Triệu Văn T, sinh năm 1966 (có mặt);

- Ông Nguyễn Phương N, sinh năm 1978 (vắng mặt);

- Bà Đặng Thị S, sinh năm 1969 (vắng mặt);

- Ông Trần Văn T1; sinh năm 1980 (vắng mặt)

- Ông Triệu Văn T2, sinh năm 1981 (có mặt);

- Bà Dương Thị L; sinh năm 1964 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Xóm Q, xã P, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên;

- Ông Kiều Như N1 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện Ú, thành phố Hà Nội;

5. Người kháng cáo: Bà Dương Thị M1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Hoàng Thị C và người đại diện theo uỷ quyền của bà C trình bày:

Năm 1996 gia đình bà C, ông B có mua của ông Kiều Như N1 và bà Triệu Thị H một mảnh đất thổ cư tại tờ bản đồ số 50, số thửa 470, diện tích 1375m² đất thổ cư tại xóm Q, xã P. Lúc bàn giao đất cho gia đình ông B, bà C, ông N1 đã chỉ rõ ranh giới xung quanh trong đó có con đường từ đường công cộng vào đến thửa đất 470 có chiều rộng khoảng 2.5 mét, chiều dài khoảng 150 mét mà gia đình ông N1 vẫn sử dụng đi lại hàng ngày và không tranh chấp với ai. Gia đình ông B, bà C sau khi mua đã phá nhà và trồng chè, sau do cây chè cần cỗi gia đình ông B, bà C đã chuyển sang trồng cây lâm nghiệp và đã nhiều lần khai thác, vận chuyển theo con ngõ của gia đình ông bà. Do cây trồng lâm nghiệp nên thỉnh thoảng gia đình mới vào thăm cây. Vào đầu năm 2017 ông M vào thăm cây thì đã thấy gia đình bà M1 lấn chiếm gần hết đoạn đường bên trong, còn đoạn ngõ bên ngoài bà M1 đã cho máy san lấp và rào lại trồng cây lâu năm, không cho gia đình ông bà đi nữa. Ngày 16/02/2017 ông đã làm đơn đề nghị xóm Quân X, xã P giải quyết để bà M1 trả lại con ngõ cho gia đình ông đi lại, canh tác, sau đó chính quyền xóm và UBND xã P đã có 4 lần làm công tác phân tích hoà giải. Trong các lần hoà giải có ông Nguyễn Trường G và ông Đỗ Ngọc M2 cán bộ xóm cùng những người ở gần đó là chị Triệu Thị C1, anh Triệu Tiến T3, anh Triệu Xuân T4 đều xác nhận là vẫn có con ngõ đi vào nhà ông (đã ghi vào biên bản hoà giải). Ngày 19/6/2017 ông N1 cũng viết đơn xác nhận nguồn gốc sử dụng đất đã xác định lúc bán nhà cho gia đình ông có con ngõ rộng khoảng 2.5 mét từ đường công cộng vào đến nhà nhưng bà M2 vẫn cố tình không trả lại con ngõ cho gia đình ông với lý do đất của ông cha ngày xưa cho mượn đi lại bây giờ đòi lại để canh tác. Do hoà giải không thành nên ngày 02/4/2019 UBND xã P đã vào lập biên bản kiểm tra hiện trạng con ngõ và chuyển vụ việc đến Toà án P để giải quyết theo đúng quy định. Nay nguyên đơn yêu cầu buộc bà M2 phải trả lại con đường cho gia đình ông đúng như sơ đồ đã được đo vẽ trong quá trình Toà án giải quyết vụ án cụ thể chiều rộng là 2.5 mét và chiều dài là 170 mét và phá bỏ toàn bộ công trình, cây cối đã trồng trên con đường.

** Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà bị đơn bà Dương Thị M1 trình bày:* Không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì: Bố mẹ bà sinh được hai người con là chị Dương Thị L và bà hiện nay hai chị em bà vẫn ở xóm Q. Từ nhỏ bà ở cùng với bố mẹ đẻ, năm 1999 mẹ bà chết, năm 2012 bố chết. Quá trình sinh sống bố mẹ bà khai hoang ở tại khu đất hiện có thửa đất 472 với diện tích 3690m² từ năm 1971 tại xóm Q. Đất này bố mẹ bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 với diện tích thửa 472 là 1500m² là đất thổ cư. Phần đất này trên thực tế theo bà được biết có diện tích là 3690m², thuộc tờ bản đồ 50. Theo bà được biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố bà là Dương Văn Q được quyền sử dụng là 7282m². Đất này giáp nhà Triệu Văn T2 và nhà Bùi Văn M3 (trước kia là đất của ông Kiều Như N1, sau đó ông N1 đã bán cho nhà ông Bùi Văn B1 và bà Hoàng Thị C là bố mẹ đẻ của anh M3). Quá trình nhà ông N1 sử dụng đường để đi lại vào thửa 470 đã đi qua phần đất thửa 472 của gia đình bà nhưng lúc đó gia đình bà chưa quy hoạch. Năm 2012 bố bà mất, trước đó đã giao bì đồ mang tên bố bà cho bà. Đến năm 2015 bà có đi kê khai chuyển hết toàn bộ diện tích

7282m² sang cho bà nhưng xã không làm cho. Bà cũng đã làm các thủ tục, các chi em ký hết vào hồ sơ rồi nhưng không hiểu sao xã không làm cho. Bà biết thửa 472 diện tích 3690m² là do bà đi làm bìa đỏ của bố bà, thì được anh T5 cán bộ địa chính xã cấp cho trích lục bản đồ thì bà mới biết rõ số diện tích như vậy chứ trước đó bà không biết diện tích cụ thể bao nhiêu. Năm 1989 bà vẫn cho những người đi khai thác vàng đi qua phần đất này là do lúc đó gia đình bà ít người không canh tác đến. Từ năm 1996 bà quy hoạch lại thì bà không cho đi nữa. Anh M3 không còn đường đi lại nữa thì anh M3 đã hỏi xin bà, sau đó hỏi mua, có lần nhờ người mua và trả bà giá 10.000.000đồng (mười triệu đồng) nhưng gia đình bà muốn để canh tác nên không đồng ý thì anh M3 đã khởi kiện, vụ không bà lấy mất đường của nhà anh ấy. Do vậy bà không chấp nhận với yêu cầu khởi kiện của anh M3. Vì đất này là của bố mẹ bà cho bà và trên đó cũng không có con đường nào cả.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị V có mặt tại phiên tòa trình bày: Chị về làm dâu nhà bà M1 từ năm 2015. Đến năm 2016 bà M1 quy hoạch lại thửa đất 471 để trồng cây ăn quả và không cho mọi người đi lại nhờ qua thửa đất đang sử dụng nữa, quan điểm của chị thửa đất này là của riêng mẹ chị không liên quan gì đến vợ chồng chị. Do vậy bà M1 được toàn quyền quyết định, cho ai đi nhờ qua là của quyền của bà M1.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/01/2021 xác định: Thửa đất 472, tờ bản đồ số 50 (18) diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1.500 m². Mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn 1.400 m², đất trồng cây lâu năm 100 m²; vị trí đất tại xóm Q, xã P-P-Thái Nguyên; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 934601 số vào sổ cấp giấy chứng nhận 0227/QSĐĐ/1020/1999/QĐ-UBND ngày 17/12/1997 mang tên bà Dương Thị M1 (Theo bản đồ, thửa đất 472 m² có diện tích 2690 m²); vị trí cụ thể của đất: Phía Đông giáp đất bà M1 (thửa 232); Phía Tây giáp thửa 471 (đất anh Dương Văn T6); Phía Nam giáp đất bà M1 (thửa 498, 504, 505, 506, 507; Phía Bắc giáp đất ông T2;

Thửa đất 470, tờ bản đồ số 50; Vị trí thửa đất tại xóm Q, xã P-P-Thái Nguyên, mục đích sử dụng: Thổ cư 1.375 m² nguồn gốc chuyển từ bà Triệu Thị H ở cùng xóm. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 179541 cấp ngày 18/10/1993 mang tên Bùi Xuân B2. Vị trí cụ thể: Phía Đông giáp thửa 507 (đất ông M3); Phía Tây giáp thửa 469 (đất ông M3) Phía Nam giáp đất bà P; Phía Bắc giáp thửa 471 (Dương Văn T6) và đất bà M1;

Về lối đi hiện tại các bên đang có sự tranh chấp: Không còn con đường đi vào thổ cư thửa 470, hiện trạng bà M1 đang trồng cây gồm: Bưởi, chuối, chè.

Đơn vị đo tiến hành đo con đường đi vào thổ cư (Thửa 470) theo chỉ dẫn của ông M3 xác định điểm bắt đầu đoạn đường tiếp giáp thửa 473 (đất ao của nhà bà M1) tiếp giáp với các thửa 498, 504, 505, 506 điểm cuối đi vào thửa đất ao (507) của ông M3; Lối đi rộng 2,5 mét, dài 131,3 mét; Tài sản trên đất phần lối đi có các cây bưởi, chuối, chè (do bà M1 trồng).

Biên bản định giá tài sản ngày 15/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên xác định: Phần diện tích lối đi hiện đang tranh chấp thuộc thửa 472, tờ bản đồ số 50; đất thổ cư có giá 470.000đồng/m²; đất trồng cây lâu năm có giá 59.000đồng/m²; tài sản trên đất có tổng trị giá 10.262.500đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị C với bà Dương Thị M1.

Buộc bà Dương Thị M1 và các thành viên trong gia đình bà M1 phải mở lối đi theo đúng sơ đồ trích đo do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thực hiện có chiều ngang con đường là 2,5 mét chiều dài là 147,2 mét tổng diện tích là 368.0 m². Mốc giới được xác định như trích đo hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng Đ (nay là thành phố) P, tỉnh Thái Nguyên thực hiện ngày 05/02/2021) theo đó chiều dài lối đi được xác định qua các số đo (Phía B):16,6; 9,56; 21,50; 30,23; 23,79; 8,71; 8,86; 11,14; Phía Nam được xác định qua các số đo: 17,67; 8,71; 21,42; 16,99; 15,36; 13,45; 7,48; 1,53; 19,77; 16,02; Chiều rộng của lối đi xác định trung bình là 2,5 mét (Có sơ đồ kèm theo bản án).

Buộc bà M1 và các thành viên trong gia đình phải phá bỏ toàn bộ cây cối được trồng trên lối đi nêu trên.

Buộc bà C phải có trách nhiệm trả cho bà M1 trị giá đất là 21.712.000đồng (hai mươi một triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/6/2024 bà Dương Thị M1 kháng cáo không nhất trí bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận trả lại đường đi như nguyên đơn yêu cầu.

Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ diện tích, mốc giới đường đi. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã Ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án cấp sơ thẩm để tiến hành xác minh đối với thửa đất số 470 tờ bản đồ số 50 theo bản đồ địa chính có thể hiện đường đi vào thửa đất 470 không, ngoài lối đi này thì gia đình nhà bà C còn có lối đi nào khác vào thửa đất của nhà bà C không? Bổ sung rõ các mốc giới, kích thước, diện tích đường đi trên bản trích đo hiện trạng sử dụng đất tại thửa đất theo tờ bản đồ địa chính số 18 đo vẽ ngày 15/02/2021. Kết quả cho thấy: Tổng diện tích đường đi vào thửa đất 470 của gia đình nhà bà C là 368m². Trong đó diện tích đường đi được mở trên các thửa đất của gia đình nhà bà M1 là 295m², cụ thể nằm vào thửa đất số 232 là 113m² theo các mốc giới trên bản trích đo hiện trạng là 9,8,7,6,13,12,11,10,9; nằm vào thửa đất số 472 là 170m² theo các mốc 6,5,4,18,16,15,14,13,6; nằm vào thửa đất số 506 diện tích là 12m² theo các mốc giới 18,19,18.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày các căn cứ kháng cáo: Bà M1 không chấp nhận bản án sơ thẩm buộc bà phải mở con đường đi vì đất này do bố mẹ bà để lại, thửa đất 472 là của gia đình bà C, không có đường đi. Bà M1 không nhất trí mở lối đi cho gia đình bà C và anh M3.

Anh M3 là người đại diện theo uỷ quyền của bà C không nhất trí kháng cáo của bà M1, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án. Bác yêu cầu kháng cáo của bà

M1. Tuy nhiên, tại sơ đồ hiện trạng đường đi, toà án cấp sơ thẩm chưa làm rõ các mốc giới cụ thể của đường dẫn đến khó thi hành bản án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Bà M1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe lời trình bày của đương sự. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Dương Thị M1 làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bà M1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Năm 1996 gia đình bà C đã nhận chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 470 có diện tích 1375m² đất thổ cư của gia đình bà H. Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Bùi Xuân B2 là chồng của bà C thể hiện thửa số 470 tờ bản đồ 50 (tại phần ghi thêm có nội dung chuyển đổi ở hộ ông Triệu Thị H cùng xóm). Theo bà C xác định: Để vào được thổ cư gia đình bà C từ trước đến khi xảy ra tranh chấp thì gia đình bà C cũng như các hộ dân có đất gần đó đều phải qua lối đi qua các thửa đất của gia đình nhà bà M1 có chiều rộng khoảng 2,5 mét dài khoảng trên 150 mét, là lối đi duy nhất vào thổ cư của gia đình bà C. Từ khi chủ trước là ông N1 và bà H cũng như những người dân có đất gần đó vẫn sử dụng để đi lại, tuy nhiên trên bản đồ địa chính không thể hiện con đường. Từ năm 2017 bà M1 đã san lấp và làm thay đổi hoàn toàn hiện trạng ban đầu của con đường, từ đó gia đình bà C không còn đường đi vào thửa đất 470 (là đất thổ cư) nữa, đây là con đường duy nhất đi vào thửa đất 470 của nhà bà C.

Phía bà M1 cũng đã công nhận từ trước kia khi gia đình bà chưa quy hoạch lại thì có cho gia đình ông N1 cũng như những hộ dân gần đấy đi nhờ qua nhưng đến nay gia đình bà quy hoạch lại thì không đồng ý cho mọi người đi qua con đường đó nữa và do con đường đó nằm trong diện tích thửa đất 472 của gia đình bà đã sử dụng và có tổng diện tích là 3.690 m² trong đó gia đình bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1.500 m² trong đó có 1.400 m² đất thổ cư và 100 m² đất trồng cây lâu năm, diện tích đất còn lại gia đình bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà M1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

Theo quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015:

1. Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bao bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bao bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.

Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi

Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

2. Vị trí, giới hạn chiều dài, chiều rộng, chiều cao của lối đi do các bên thoả thuận, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và ít gây phiền hà cho các bên, nếu có tranh chấp về lối đi thì có quyền yêu cầu Toà án, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác xác định.

Như vậy, gia đình bà C đang sử dụng thửa đất 470, tờ bản đồ 50 đang bị vây bao bọc bởi các bất động sản của gia đình nhà bà M1 không có lối đi ra đường công cộng. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc bà M1 phải mở lối đi chung cho gia đình bà C đi vào thửa đất 470 là có căn cứ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm xác định lối đi chung để đi vào thửa đất 470 của gia đình bà C được mở trên một phần thửa đất 472 của bà M1 là chưa chính xác. Theo bản trích đo hiện trạng thì vị trí, diện tích lối đi chung nằm vào một phần thửa đất số 472, 232 và thửa 506 của gia đình nhà bà M1 chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Toà án cấp phúc thẩm đã ra quyết định uỷ thác thu thập chứng cứ cho Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên tiến hành thu thập bổ sung rõ các mốc giới, kích thước, diện tích đường đi trên bản trích đo hiện trạng sử dụng đất tại thửa đất được mở đường đi chung.

Căn cứ bản trích đo hiện trạng ngày 23/8/2024 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố P thực hiện đã xác định: Tổng diện tích đường đi vào thửa đất 470 của gia đình nhà bà C là 368m². Trong đó diện tích đường đi được mở trên các thửa đất của gia đình nhà bà M1 là 295m², cụ thể nằm vào thửa đất số 232 là 113m² theo các mốc giới trên bản trích đo hiện trạng là 9,8,7,6,13,12,11,10,9; nằm vào thửa đất số 472 là 170m² theo các mốc 6,5,4,18,,17,16,15,14,13,6; nằm vào thửa đất số 506 diện tích là 12m² theo các mốc giới 18,19,18'. Tất cả phần diện tích đường đi được mở trên một phần thửa đất số 472, 232 và 506 bà M1 chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất và thuộc loại đất trồng cây lâu năm có giá 59.000 đồng/m².

Tại phiên toà phúc thẩm bà Minh xác đ, hiện nay tài sản trên phần đường đi mà Toà án thành phố P đã buộc gia đình bà phải mở cho gia đình bà C đi gia đình nhà bà M1 đã chặt hết không còn tài sản nào.

Hội đồng xét xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên theo phân tích nêu trên.

[3]. Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà M1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị M1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị C đối với bà Dương Thị M1.

Buộc bà Dương Thị M1 và các thành viên trong gia đình bà M1 phải mở lối đi cho gia đình nhà bà Hoàng Thị C có tổng diện tích là 295.0 m². Vị trí, chiều rộng, kích thước các mốc giới theo đúng sơ đồ trích đo do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai đo vẽ ngày 23/8/2024 (Có sơ đồ kèm theo). Trong đó phần diện tích đường đi nằm vào thửa đất số 232 là 113m² theo các mốc giới là 9,8,7,6,13,12,11,10,9; nằm vào thửa đất số 472 là 170m² theo các mốc 6,5,4,18,17,16,15,14,13,6; nằm vào thửa đất số 506 diện tích là 12m² theo các mốc giới 18,19,18'.

Buộc bà M1 và các thành viên trong gia đình phải thu hoạch toàn bộ cây cối được trồng trên lối đi nêu trên.

Buộc bà C phải có trách nhiệm trả cho bà M1 trị giá đất là 17.405.000 đồng (mười bảy triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng).

Bà M1 được quyền sử dụng số tiền 17.405.000 đồng (mười bảy triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng) do bà C thanh toán.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà C không trả được cho bà M1 khoản tiền nêu trên, bà M1 có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà C phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2 Án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà M1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0001674 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP Phổ Yên;
- THADS TP Phổ Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lê Thị Hồng Phương